

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02 - 02 - 2021

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đoàn Công Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Ông Nguyễn Xuân Tùng**

2. Ông Huỳnh Thanh Trà

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Vui** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thị Quỳnh Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 193/2020/TLST-HNGĐ ngày 22/10/2020 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/12/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thảo M** - sinh năm 1995; Trú tại: Số K đường T, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông **Trần Ngọc A** - sinh năm 1993; Trú tại: Số X đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 16/9/2020 và các bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – bà **Nguyễn Thị Thảo M** trình bày: Bà và ông **Trần Ngọc A** kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn thì vợ chồng về chung sống tại Số X đường N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

Sau một thời gian chung sống đến khoảng đầu năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông A chơi bời, sử dụng trái phép chất ma túy, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mặc dù gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông A vẫn không thay đổi. Đầu năm 2020 bà đã bỏ con về nhà mẹ ruột tại Số K đường T, phường H, quận H, Tp Đà Nẵng sinh sống cho đến nay. Trước đây, vào tháng 7/2020 vợ chồng bà cũng làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc thuận tình ly hôn và được Tòa án hòa giải, động viên về chung sống với nhau nhưng cuộc sống hôn nhân vẫn không cải thiện, mức độ mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Nay bà M cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Trần Ngọc A**.

Về con chung: Giữa bà và ông Trần Ngọc A có 01 con chung là Trần Ngọc Anh Q sinh ngày 03/09/2014. Ly hôn, nguyện vọng của bà là xin được trực tiếp nuôi con. Tại đơn khởi kiện bà đề nghị Tòa án buộc ông Trần Ngọc A phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000đ nhưng tại phiên tòa bà thay đổi yêu cầu, không đề nghị ông A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trần Ngọc A nhưng ông A không đến Tòa án, không có văn bản phản hồi về vụ án nên không có lời khai tại hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các bước thủ tục tố tụng. Bị đơn Trần Ngọc A đã được thông báo về vụ án cũng như tổng đạt các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng không đến Tòa án, không có văn bản trình bày. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nên căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đảm bảo về mặt thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thảo M và ông Trần Ngọc A đã đến mức trầm trọng, từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, hôn nhân thực tế không còn tồn tại. Bản thân ông Trần Ngọc A là đối tượng nghiện hút ma túy và đã được gia đình đưa đi cơ sở cai nghiện. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo M, cho bà M được ly hôn với ông Trần Ngọc A. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao con chung Trần Ngọc Anh Q cho bà M trực tiếp cấp dưỡng, ông Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu, yêu cầu của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về các vấn đề của vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông Trần Ngọc A cư trú tại quận Hải Châu. Do đó, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, gửi đầy đủ các văn bản tố tụng cho các bên đương sự, bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến phản hồi về vụ án, không tham gia các phiên họp, hòa giải theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo M và ông Trần Ngọc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, bà M cung cấp các tài liệu thể hiện ngày 15/8/2019 ông A được đưa đi cai nghiện tại Cơ sở xã hội Bầu Bàng đến ngày 17/01/2020 Chủ tịch UBND quận Hải Châu có quyết định về việc áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại nơi cư trú. Từ đầu năm 2020 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, quan hệ hôn nhân trên thực tế không tồn tại. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã gửi Thông báo mời lên hòa giải để động viên vợ chồng về tiếp tục chung sống, nuôi dạy con cái nhưng ông A đều không đến Tòa án, tại cả hai phiên tòa ông A đều vắng mặt điều này thể hiện ông không còn thiện chí muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng. Do đó, có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà M, ông A đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M, cho bà được ly hôn với ông A như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[2.2] Về con chung: Giữa bà M và ông A có 01 con chung là Trần Ngọc Anh Q, sinh ngày 03/09/2014, hiện nay cháu đang ở với mẹ tại Số K đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Quá trình giải quyết vụ án ông Trần Ngọc A cũng không có nguyện vọng được nuôi con. Do đó, để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt của con chung, căn cứ khoản 1 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thảo M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà M không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên ông Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thảo M trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thảo M đối với ông Trần Ngọc A về việc ly hôn và nuôi con chung.

*** Xử:**

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thảo M được ly hôn với ông Trần Ngọc A.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc Anh Q, sinh ngày 03/09/2014

cho bà Nguyễn Thị Thảo M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích con chung các bên có quyền làm đơn xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thảo M phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009486 ngày 22/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (*Bà M đã nộp đủ án phí*).

6. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
 - Đương sự;
 - Chi cục THA DS quận Hải Châu;
 - UBND phường H
- (Đk ngày 29/4/2014)
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đoàn Công Quốc

